

Bản án số: 23/2023/DS-PT

Ngày 23/9/2023

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng

Các thẩm phán: Ông: Phạm Ngọc Toàn

Ông: Đặng Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: bà Lò Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự số 06/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân txSP, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐ-PT ngày 18/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 56/QĐ-PT ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông MAX (tên gọi khác: K); Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 02 phường HR, tx SP, tỉnh Lào Cai; Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà NTTTH – Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 8, txSP; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông GAK; Sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn GT, xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông NPV;VTL - Luật sư công ty luật TNHH Hợp Phúc, đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: SN 6A, ngõ 24 đường VCC, phường NĐ, quận CG, TPHN. Điều có

mặt

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà HTX; SN 1974;

Địa chỉ: Thôn GT, xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông VAS; sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ 4, phường PSP, txSP, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

4. *Người làm chứng:*

- Ông GAC(K)

Địa chỉ: Thôn ST, xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai. Có mặt

- Ông GAGI

Địa chỉ: Thôn LK, xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai. Có mặt

- Bà GTK,

- Ông GAV

Cùng địa chỉ: Tổ 2, phường HR, tx SP, tỉnh Lào Cai. Có mặt

- Ông VAS

- Ông GAD

Cùng địa chỉ: Thôn GT, xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai. Có mặt

5. *Người phiên dịch:* Bà: HTYV

6. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông GAK

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh MAX (K) trình bày:

Về nguồn gốc đất: Năm 1997 bố mẹ anh MAX (K) là ông MAC bà GTS mua của ông GAC tại thôn GT, xã TP 01 khu đất có diện tích khoảng 1.181,6m² với giá 300.000đồng, khi mua bán hai bên chỉ ra chỉ đất và nhận đất với nhau, không viết giấy tờ gì. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông CH (Chia), ông C, bà S cạnh tác sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Quá trình cạnh tác ông C, bà S đã đi kê khai để đo đạc địa chính đối với toàn bộ khu đất nêu trên. Năm 2011 bố mẹ anh MAX (K) cho anh MAX (K) toàn bộ khu đất nêu trên, sau khi được bố mẹ cho vợ chồng anh MAX (K) vẫn cạnh tác sử dụng ổn định không có ai tranh chấp đất. Khi nhà nước tiến hành đo đạc địa chính vào khoảng năm 2018 anh MAX (K) thì bố anh MAX (K) cũng dẫn cán bộ đi đo đạc khu đất của gia đình, có thửa đất thì ghi tên K (tên gọi khác của MAX), do lúc đó ông C vẫn cạnh tác, trồng cây một vài thửa ruộng nên có thửa thì ghi tên ông C (Sng là vợ ông C). Sau

này khi ông C, bà S già yếu nên đã cho anh MAX (K) toàn bộ khu đất nêu trên, việc bố mẹ cho anh MAX (K) chỉ cho bằng miệng mà không viết giấy tờ gì, anh MAX (K) là người được bố mẹ C cho khu đất trên. Cuối năm 2020, anh MAX (K) thuê máy san các nền ruộng bậc thang cho rộng ra để canh tác trồng lúa, và san bãi rộng ra để trồng rau, khi san đất cũng không ai có ý kiến tranh chấp gì.

Năm 2022 ông GAK là cậu ruột của anh MAX (K) đến cản trở không cho anh sử dụng đất, anh MAX (K) và bố mẹ đã nhiều lần nói chuyện nhưng ông K không chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất, anh MAX (K) đã làm đơn lên Ủy ban xã để giải quyết nhưng không thành nên anh đã làm đơn đến Tòa án nhân dân txSP để yêu cầu Tòa án giải quyết, khi Tòa án đang giải quyết thì cuối năm 2022, vợ chồng ông GAK bà HTX đã đến khu đất đang tranh chấp để trồng rau, trồng cây đào giống và dựng một lán nhỏ trên khu đất nêu trên.

Tại buổi xem xét thẩm định đo đạc tại chỗ ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân txSP. Anh MAX (K) chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thửa đất phía bên trên đường mòn đi nhà ông Giàng A Cha lên trên.

Anh MAX (K) nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân txSP giải quyết buộc ông GAK và bà HTX chấm dứt việc tranh chấp, tháo dỡ di chuyển tài sản là nhà lán tạm, 170 cây đào giống và hoa màu ra khỏi khu đất của anh MAX (K) trả lại cho anh toàn bộ diện tích 2.774,9m² đất trồng lúa nằm trong tờ bản đồ địa chính số 56 đo đạc năm 2018 các thửa 199, 200, 240, 241, 242, 278, 279, 280, 281, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332 tại thôn GT, xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh MAX (K) rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 546,9m² tại thửa đất số 377, tờ bản đồ DC 56.

Tiếp tục được quản lý, sử dụng 02 khóm tre là do ông MAC trồng

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh MAX (K) nhận chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định đo đạc tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn GAK trình bày:

Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp: Do cụ ông K là ông GAD khai phá từ khi ông K chưa được sinh ra, sau đó ông cụ cho bố ông K là ông GAT, đến năm 1990 thì ông T cho vợ chồng ông GAK và vợ HTX, đất là đất nương để trồng ngô, lúc đó chưa C thành các thửa là cả một nương lớn, khi cho vợ chồng ông K ông T chỉ gọi vợ chồng ông K ra và chỉ đất cho vợ chồng ông K chứ không viết giấy tờ gì. Vợ chồng ông K canh tác từ đó đến năm 1992 thì cho ông GAC (tên gọi khác Chia) là anh con nhà bác ông K mượn để làm nhà và canh tác, khi cho ông mượn ông K cũng không viết giấy tờ gì, cũng không ai biết và chứng kiến. Đến cuối năm 1997 đầu năm 1998 thì ông CH C chuyển đi Lai Châu để sinh

sống, ông CH hỏi ý kiến ông K về việc bán đất cho người khác, vợ chồng ông K không đồng ý bán mà chỉ đồng ý trả cho ông CH 300.000 đồng tiền công khai đất. Tuy nhiên lúc đó ông MAC là anh rể ông K nói vợ chồng ông K cho anh rể mượn để canh tác, ông C sẽ trả cho ông CH 300.000 đồng tiền công khai phá đất, ông C đồng ý, ông C đã trả tiền cho ông CH Chưa thì vợ chồng ông K không biết. Vợ chồng ông K chỉ nhất trí cho ông C mượn đất để canh tác đó đến năm 2010 thì vợ chồng ông K đòi lại đất. Vợ chồng MAX với bà GTS (bà S là chị gái ông K) mang gà đến để xin vợ chồng ông K cho canh tác tiếp, vợ chồng ông K nhất trí, khi đó không có người ngoài biết và chứng kiến. Đến tháng 4/2015 thì vợ chồng ông K lại đòi lại đất, vợ chồng MAX với mẹ đẻ GTS mang ngan đến để xin vợ chồng ông K để tiếp tục được canh tác vì gia đình khó khăn, ông K không nhất trí nhưng vợ ông K đồng ý cho mượn, hai bên thỏa thuận sẽ cho mượn đủ 25 năm tính từ năm 1998. Khi đó không viết giấy tờ gì, không có người chứng kiến. Đến tháng 5/2022 vợ chồng Xi và bà S lại mang 02 con gà và 02 lít rượu đến xin vợ chồng ông K cho MAX tiếp tục canh tác nhưng vợ chồng ông K không đồng ý và cho con trai là GATH mang gà và rượu đi trả cho nhà MAX, hôm sau vợ chồng MAX đến nhà ông K bảo sẽ bù thêm cho vợ chồng ông K 1 khoản tiền để được canh tác khu đất đó nhưng vợ chồng ông K không nhất trí. Bà S đòi tiền công khai phá do bà S và vợ chồng MAX cũng có công khai phá, ông K không đồng ý nhưng vợ ông K bảo là người nhà nên trả cho bà S 14.000.000 đồng, cho vợ chồng MAX 14.000.000đ, tổng là 28.000.000đ, nhưng bà S đòi 38.000.000đ trong đó riêng của bà S là 20.000.000đ, của MAX là 18.000.000đ. Vợ chồng ông K không nhất trí. Sau đó, MAX đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã TP để giải quyết, Ủy ban nhân dân xã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân txSP. Ông GAK và bà HTX đều xác nhận toàn bộ khu đất nêu trên là ông GAT cho ông GAK và bà HTX không ai có quyền lợi liên quan ở khu đất đó, từ năm 1997 đến năm 2022 ông K bà X không canh tác, sử dụng khu đất trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông MAX, ông K không nhất trí vì toàn bộ khu đất trên phải thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông GAK.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà HTX nhất trí với ý kiến ông K đã trình bày, không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh MAX.

Về chi phí xem xét, thẩm định đo đạc tại chỗ và tiền án phí: Ông GAK, bà HTX đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DSST ngày 30/5/2023 của TAND txSP, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai 2013; Điều 164, Điều 166, 169 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c

khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, 169, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh MAX. Buộc ông GAK, bà HTX tháo dỡ di chuyển tài sản là nhà lán tạm, 170 cây đào giống và hoa màu ra khỏi khu đất của anh MAX (K) trả lại cho anh toàn bộ diện tích 2.774,9m² đất trồng lúa nằm trong tờ bản đồ địa chính số 56 đo đạc năm 2018 các thửa 199, 200, 240, 241, 242, 278, 279, 280, 281, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332 tại thôn GT xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai.

Anh MAX (K) được tiếp tục quản lý và sử dụng tài sản là 02 khóm tre trên diện tích đất trên.

Đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất 546,9m² tại thửa số 377 tờ bản đồ DC 56 vì đây là diện tích đất đã được quy chủ Ủy ban nhân dân xã TP quản lý. *(Sơ đồ trích đo là phần không thể tách rời bản án).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/6/2023, ông GAK kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2023/DSST ngày 30/5/2023 của TAND txSP, đề nghị TAND tỉnh Lào Cai xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2023/DSST ngày 30/5/2023 của TAND txSP. Điều tra, xác minh làm rõ nguồn gốc đất và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông MAX giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn ông Giàng A K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông GAK có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông GAK

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Nguyên đơn cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là ông MAC bà GTS mua của ông GAC tại thôn GT, xã TP năm 1997 giá 300.000 đồng, khi mua bán chỉ nói miệng, chỉ đất với nhau trên thực địa không viết giấy tờ gì. Tại biên bản ghi lời khai của Ông MAC và bà GTS đều khai diện tích đất là do ông C mua lại của ông CH (Chia), ông C bà S đã cho con trai MAX toàn bộ khu đất trên vào năm 2010 nhưng ông bà vẫn canh tác cây lúa ở một số thửa để lấy thóc ăn. Năm 2018 ông C dẫn cán bộ đi đo đạc, kê khai địa chính đối với khu đất trên, do không hiểu biết nên khi cán bộ hỏi ông C, thửa nào ông đang canh tác thì ông khai tên ông, thửa nào con trai MAX canh tác thì ông khai Má A K (tên ở nhà của MAX) dẫn đến việc quy chủ có thửa tên ông C, có thửa tên anh X (K). Tuy nhiên ông C và bà S đã cho anh MAX toàn bộ khu đất trên, ông bà không có quyền lợi gì đối với khu đất nêu trên nữa.

Bị đơn ông GAK cho rằng về nguồn gốc đất do ông cụ nhà ông K là ông GAD khai phá từ lâu đời, sau đó các cụ C cho bố ông. Sau đó, bố ông K lại cho vợ chồng ông K canh tác từ năm 1990, quá trình canh tác vợ chồng ông K không đi đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 1992, ông K cho ông GACC mượn, để làm nhà và canh tác, khi cho mượn không viết giấy tờ gì, không có ai biết và chứng kiến.

Đối với việc xác định nguồn gốc đất, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm và lời khai của người làm chứng do cấp sơ thẩm thu thập. Ông GAD, ông GACH, ông GAG (BL155-160); Ông GAN (BL163-164); ông GAGI; PLL; GTK; VAS (BL169-176) đều khai là nghe kể lại diện tích đất trên của bố ông K khai phá, sau này cho ông CH canh tác, khi ông CH đi Lai Châu thì trả lại cho ông K, ông K cho ông MAC mượn để canh tác, những người làm chứng đều nghe ông K nói và không được chứng kiến trực tiếp.

Lời khai của ông Giàng A K (BL161-162) cho rằng “do tôi chứng kiến trực tiếp vì nhà tôi có ruộng gần khu đất tranh chấp thì do bố mẹ ông K là ông Giàng A T bà P khai phá” là không phù hợp, Vì ông Giàng A K sinh năm 1974, ông GAK sinh năm 1971, lời khai của ông K cho rằng diện tích đất trên do cụ ông K

để lại, ông K và ông K là những người cùng lứa tuổi với nhau, nhưng ông K cho rằng chứng kiến việc bố mẹ ông K khai phá là không hợp lý. Lời khai của ông GAS; (BL 165-166) “ông T cho hẳn ông D (bố của ông CH) khu đất đó, ông D cho anh trai tôi là Giàng A Csống và canh tác”, ông PLL (167-168) “.. là anh em với nhau nên ông T cho hẳn ông D khu đất đó..” lời khai của ông K và ông S, ông L mâu thuẫn với nhau, ông K cho rằng ông K cho ông CH mượn đất từ năm 1992, nhưng ông S, ông L khai rằng ông T cho đất ông D, sau đó ông D mới cho con trai là ông CH. Do đó, lời khai của người làm chứng là ông Giàng A S, ông PLL không có căn cứ để xem xét. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông GAC(BL 62), ông CH cho rằng nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa anh MAX và GAK do bố ông là ông GAD khai phá để lại cho ông canh tác. Đến cuối năm 1997 gia đình ông CH chuyển đi nơi khác sinh sống nên bán lại toàn bộ khu đất cho ông MAC(là bố đẻ của anh MAX) giá 300.000 đồng. Người làm chứng ông GAC không thừa nhận việc mượn đất của ông K, không đưa ra được căn cứ chứng minh việc cho ông CH mượn đất lời khai của ông CH và anh K phù hợp với nhau, Do đó, có căn cứ xác định nguồn gốc đất trên là của bố anh X mua lại của ông Giàng A Chơ.

[2.2] Quá trình sử dụng đất:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với bị đơn, đều thừa nhận từ năm 1997 đến năm 2022, ông C bà S và vợ chồng anh MAX (K) là người thường xuyên canh tác và sử dụng diện tích đất nêu trên, trước đây thì gia đình nguyên đơn trồng ngô, cấy lúa, năm 2020 anh X san gạt để mở rộng thêm diện tích đất ruộng. Những người làm chứng và các hộ có đất giáp ranh với khu đất tranh chấp đều khai nhận từ năm 1997 đến năm 2022 chỉ thấy gia đình ông C, bà S và anh MAX (K) canh tác, không thấy ông K canh tác sử dụng đất bao giờ. Lời khai của những người làm chứng, bị đơn, nguyên đơn đều phù hợp với nhau, khẳng định nguyên đơn sử dụng ổn định, liên tục, không xảy ra tranh chấp gì từ năm 1997 đến năm 2022.

Bị đơn ông K, bà X đều thừa nhận ông, bà không canh tác ở diện đất nêu trên và cho rằng do ông bà đã cho ông C mượn, tuy nhiên hết thời gian cho mượn là 10 năm ông K bà X đã nhiều lần đòi nhưng mẹ con anh X đều đến nhà xin được canh tác thêm, tất cả những lần đòi đất cũng như xin canh tác thêm giữa ông K, bà X với mẹ con anh X đều nói bằng miệng không lập thành văn bản, không ai biết và chứng kiến. Ông K, bà X không có căn cứ chứng minh việc mẹ con nhà anh X đến xin canh tác thêm. Ông K đòi đất nhưng nguyên đơn không trả, nhưng cũng không làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Do vậy không có căn cứ chứng minh việc ông K đã đòi đất nhưng không trả, cũng không có biện pháp để đòi lại diện tích đất cho rằng thuộc quyền sở hữu của mình.

Như vậy, có căn cứ xác định hộ ông MAC và ông MAX sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1997 đến năm 2022.

[2.3] Về tài sản trên đất: Gồm có 01 nhà lán tạm của ông GAK, bà HTX dựng tháng 12/2022; 170 cây đào giống ông GAK, bà HTX trồng tháng 12/2022. Xét thấy đây là những tài sản hình thành trong thời gian Tòa án giải quyết tranh chấp. Nên cần buộc ông K và bà X di chuyển toàn bộ tài sản đi nơi khác là phù hợp. Đối với 02 khóm tre, bị đơn ông K khai ông trồng 10 năm nhưng trên thực tế ông K đã không canh tác sử dụng đất từ năm 1997 – 2022 nên xác định 02 khóm tre thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp.

[2.4] Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất:

Khi nhà nước tiến hành đo đạc địa chính vào năm 2018 gia đình anh X đã đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đối với toàn bộ khu đất nêu trên. Đất có diện tích 2.774,9m²; loại đất là đất ruộng nằm trong tờ bản đồ địa chính số 56 đo đạc năm 2018 gồm các thửa 199, 200, 240, 241, 242, 278, 279, 280, 281, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332 tại thôn GT xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai, trong đó các thửa 199, 200, 240, 241, 242, 279, 280, 281, 327, 328, 329, 330, 331, 332 quy chủ sử dụng đất ông MAC(Sng); các thửa 278, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326 quy chủ sử dụng đất ông MAX (K); Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông K, bà X không đi kê khai địa chính cũng như đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

Tại văn bản số 60/UBND – DC ngày 23/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã TP (BL 176-177) về việc cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất đang tranh chấp thì thửa đất đang tranh chấp thuộc tờ bản đồ địa chính DC 56 bản đồ địa chính của xã TP đã được Sở Tài nguyên và môi trường nghiệm thu năm 2021 đo đạc năm 2018 gồm các thửa 199, 200, 240, 241, 242, 278, 279, 280, 281, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332 tại thôn GT xã TP, txSP, tỉnh Lào Cai, trong đó các thửa 199, 200, 240, 241, 242, 279, 280, 281, 327, 328, 329, 330, 331, 332 đất LUK mang tên MAC(Sng); Thửa đất 278, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326 quy chủ sử dụng đất Má A K;

Về vị trí thửa đất: Theo địa giới hành chính cấp xã của huyện Sa Pa (cũ) thửa đất tranh chấp thuộc địa giới hành chính của xã Sa Pả, huyện Sa Pa theo địa giới hành chính thành lập theo Chỉ thị 364 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Đến ngày 11/9/2019 Quốc hội ban hành Nghị quyết số 767/NQ – UBTVQH14 về việc thành lập txSP và các phường, xã thuộc txSP, tỉnh Lào Cai thì thửa đất thuộc địa giới hành chính của phường HR, tx SP.

Như vậy, đối với phần diện tích đất trên có căn cứ xác định nguồn gốc đất, quản lý sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ ông MAC và hộ ông

MAX (K). Cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của bà GTS (BL80-81); ông MAC(BL83-84). Tại cấp phúc thẩm, các thành viên trong hộ gia đình ông C, bà S đều nhất trí việc ông C, bà S đã cho anh X toàn bộ diện tích đất canh tác đang tranh chấp nêu trên và không có ý kiến gì (BL 384-387). Vì vậy, xác định toàn bộ thửa đất: 199, 200, 240, 241, 242, 279, 280, 281, 327, 328, 329, 330, 331, 332 đất LUK mang tên MAC(Sng); Ông C bà S đã cho anh X và thuộc quyền sở hữu của anh Mã A Xi. Xét thấy lời khai của các thành viên trong hộ ông MAC đã cho MAX là có căn cứ, chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của anh MAX (K).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng không có căn cứ pháp lý xác định anh MAX có tên gọi khác là Má A K. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông GAK xác nhận ông K là cậu ruột anh X, ngoài tên là Xi, thì tên thường gọi là “K”. Tại công văn số 161/VBTL-CAP ngày 21/9/2023 của Công an phường Hàm Rồng trả lời *“Qua xác minh thực tế tại nơi cư trú của gia đình ông MAX, được tổ trưởng tổ dân phố số 2 cung cấp thông tin về việc ông MAX sinh năm 1982 và Má A K là một người, do ông MAX đi làm con nuôi của gia đình khác theo phong tục người Mông nên đặt tên gọi khác là Má A K”*. Do vậy, có căn cứ xác định anh MAX có tên thường gọi khác là Má A K. Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn cho rằng chữ ký tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 18/5/2022 giữa ông MAX và ông GAK không phải là chữ ký của ông GAK (BL 08). Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm ông GAK đã được tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông GAK không có ý kiến thắc mắc gì . Vì vậy yêu cầu này không có căn cứ được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông GAK không cung cấp thêm chứng cứ mới nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bị đơn ông GAK phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông GAK, Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DSST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân txSP, tỉnh Lào Cai

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông GAK phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông GAK đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

các Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC - 21P, số 0005193 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự txSP, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND txSP;
- Chi cục THADS txSP
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Lâm Hồng